

Số: /BC-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả rà soát, xác định dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025

Thực hiện Quyết định số 39/2020/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025; căn cứ Công văn số 187/UBNDT-DTTS ngày 27/02/2021 của Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 39/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; UBND tỉnh Bắc Giang báo cáo kết quả rà soát, xác định dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025, như sau:

I. TÌNH HÌNH VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

Bắc Giang là tỉnh miền núi có 09 huyện, 01 thành phố, trong đó có 6 huyện miền núi và 01 huyện vùng cao. Theo kết quả phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025; toàn tỉnh có 73 xã và 20 thôn, bản thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó có: 36 xã khu vực I, 09 xã khu vực II, 28 xã khu vực III với 244 thôn, bản đặc biệt khó khăn. Dân số toàn tỉnh là 1.803.950 người (số liệu thống kê năm 2019), với 45 thành phần dân tộc thiểu số (DTTS); dân số người DTTS có 257.258 người, bằng 14,26 % dân số toàn tỉnh, trong đó có 06 DTTS có dân số đông, sinh sống thành cộng đồng (gồm: Nùng, Tày, Sán Dìu, Hoa, Sán Chay (bao gồm Cao Lan và Sán Chí), Dao) chiếm 97,78%; còn lại 39 thành phần DTTS khác chiếm 2,22% dân số người DTTS. Có 04 huyện đông người DTTS, gồm: Sơn Động 43.317 người, Lục Ngạn 115.758 người; Lục Nam 35.920 người; Yên Thế 32.828 người.

II. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VIỆC RÀ SOÁT, XÁC ĐỊNH DÂN TỘC CÒN GẶP NHIỀU KHÓ KHĂN, KHÓ KHĂN ĐẶC THÙ

1. Công tác triển khai, thực hiện

Căn cứ Công văn số 187/UBNDT-DTTS ngày 27/02/2021 của Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện Quyết định 39/2020/QĐ-TTg, UBND tỉnh Bắc Giang đã chỉ đạo Ban Dân tộc hướng dẫn UBND các huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Lạng Giang trong việc rà soát, xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025, đảm bảo đúng đối tượng, địa bàn, tiêu chí xác định và các quy định khác tại Quyết định số 39/2020/QĐ-TTg và Công văn số 187/UBNDT-DTTS.

2. Địa bàn rà soát, xác định

Các xã thuộc khu vực III và các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi theo quy định tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào DTTS và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025. Cụ thể:

- Các xã thuộc khu vực III: 28 xã. Trong đó: 14 xã thuộc huyện Sơn Động, 09 xã thuộc huyện Lục Ngạn, 04 xã thuộc huyện Lục Nam và 01 xã thuộc huyện Yên Thế.

- Các thôn đặc biệt khó khăn: 66 thôn. Trong đó: 16 thôn thuộc huyện Sơn Động, 14 thôn thuộc huyện Lục Ngạn, 15 thôn thuộc huyện Lục Nam, 19 thôn thuộc huyện Yên Thế và 02 thôn thuộc huyện Lạng Giang.

3. Đối tượng rà soát, xác định

06 dân tộc thiểu số sinh sống ổn định thành cộng đồng trên địa bàn 28 xã khu vực III và 66 thôn đặc biệt khó khăn. Cụ thể gồm các dân tộc: Nùng, Tày, Sán Dìu, Hoa, Sán Chay và Dao.

III. KẾT QUẢ CÔNG TÁC RÀ SOÁT, XÁC ĐỊNH DÂN TỘC CÒN GẶP NHIỀU KHÓ KHĂN, KHÓ KHĂN ĐẶC THÙ

1. Đối với dân tộc còn gặp nhiều khó khăn

1.1. Tiêu chí xác định: Dân tộc còn gặp nhiều khó khăn là dân tộc đáp ứng 01 trong 03 tiêu chí sau:

- Tỷ lệ hộ nghèo lớn hơn hoặc bằng 33,45%.

- Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông (tiếng Việt) tính đến thời điểm 31/12/2019 lớn hơn 28,65%.

- Tỷ suất chết của trẻ em dưới 01 tuổi lớn hơn 33,2‰.

1.2. Kết quả rà soát, xác định

a) Dân tộc Nùng:

- Tiêu chí về hộ nghèo: Tổng số hộ: 8.363 hộ, trong đó tổng số hộ nghèo: 2.068 hộ. Tỷ lệ hộ nghèo là 24,73%. Xác định: Không đạt.

- Tiêu chí tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông (tiếng Việt): Tổng số người từ 15 tuổi trở lên: 25.964 người, trong đó tổng số người từ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông: 1.863 người. Tỷ lệ là 7,18%. Xác định: Không đạt

- Tiêu chí tỷ suất chết của trẻ em dưới 01 tuổi: Tổng số trẻ em sinh ra sống trong năm 2019 là: 644 người, trong đó tổng số trẻ em dưới 1 tuổi chết trong năm 2019 là: 06 người. Tỷ suất chết là: 9,32‰. Xác định: Không đạt.

Xác định: Dân tộc Nùng không phải là dân tộc còn gặp nhiều khó khăn.

b) Dân tộc Tày:

- Tiêu chí về hộ nghèo: Tổng số hộ: 6.796 hộ, trong đó tổng số hộ nghèo: 1.936 hộ. Tỷ lệ hộ nghèo là 27,02%. Xác định: Không đạt.

- Tiêu chí tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông (tiếng Việt): Tổng số người từ 15 tuổi trở lên: 17.066 người, trong đó tổng số người từ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông: 357 người. Tỷ lệ là 2,09%. Xác định: Không đạt

- Tiêu chí tỷ suất chết của trẻ em dưới 01 tuổi: Tổng số trẻ em sinh ra sống trong năm 2019 là: 503 người, trong đó tổng số trẻ em dưới 01 tuổi chết trong năm 2019 là: 09 người. Tỷ suất chết là: 17,89‰. Xác định: Không đạt.

Xác định: Dân tộc Tày không phải là dân tộc còn gặp nhiều khó khăn.

c) Dân tộc Sán Dìu:

- Tiêu chí về hộ nghèo: Tổng số hộ: 364 hộ, trong đó tổng số hộ nghèo: 77 hộ. Tỷ lệ hộ nghèo là 21,15%. Xác định: Không đạt.

- Tiêu chí tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông (tiếng Việt): Tổng số người từ 15 tuổi trở lên: 894 người, trong đó tổng số người từ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông: 115 người. Tỷ lệ là 12,86%. Xác định: Không đạt

- Tiêu chí tỷ suất chết của trẻ em dưới 01 tuổi: Tổng số trẻ em sinh ra sống trong năm 2019 là: 37 người, trong đó tổng số trẻ em dưới 01 tuổi chết trong năm 2019 là: 0 người. Tỷ suất chết là: 0‰. Xác định: Không đạt.

Xác định: Dân tộc Sán Dìu không phải là dân tộc còn gặp nhiều khó khăn.

d) Dân tộc Hoa:

- Tiêu chí về hộ nghèo: Tổng số hộ: 961 hộ, trong đó tổng số hộ nghèo: 201 hộ. Tỷ lệ hộ nghèo là 20,92%. Xác định: Không đạt.

- Tiêu chí tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông (tiếng Việt): Tổng số người từ 15 tuổi trở lên: 2.744 người, trong đó tổng số người từ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông: 380 người. Tỷ lệ là 13,85%. Xác định: Không đạt

- Tiêu chí tỷ suất chết của trẻ em dưới 01 tuổi: Tổng số trẻ em sinh ra sống trong năm 2019 là: 70 người, trong đó tổng số trẻ em dưới 01 tuổi chết trong năm 2019 là: 01 người. Tỷ suất chết là: 14,29‰. Xác định: Không đạt.

Xác định: Dân tộc Hoa không phải là dân tộc còn gặp nhiều khó khăn.

đ) Dân tộc Sán Chay:

- Tiêu chí về hộ nghèo: Tổng số hộ: 5.413 hộ, trong đó tổng số hộ nghèo: 1.464 hộ. Tỷ lệ hộ nghèo là 27,05%. Xác định: Không đạt.

- Tiêu chí tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông (tiếng Việt): Tổng số người từ 15 tuổi trở lên: 14.721 người, trong đó tổng số người từ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông: 1.190 người. Tỷ lệ là 8,08%. Xác định: Không đạt

- Tiêu chí tỷ suất chết của trẻ em dưới 01 tuổi: Tổng số trẻ em sinh ra sống trong năm 2019 là: 312 người, trong đó tổng số trẻ em dưới 01 tuổi chết trong năm 2019 là: 04 người. Tỷ suất chết là: 12,82‰. Xác định: Không đạt.

Xác định: Dân tộc Sán Chay không phải là dân tộc còn gặp nhiều khó khăn.

e) Dân tộc Dao:

- Tiêu chí về hộ nghèo: Tổng số hộ: 2.292 hộ, trong đó tổng số hộ nghèo: 593 hộ. Tỷ lệ hộ nghèo là 25,87%. Xác định: Không đạt.

- Tiêu chí tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông (tiếng Việt): Tổng số người từ 15 tuổi trở lên: 3.710 người, trong đó tổng số người từ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông: 341 người. Tỷ lệ là 9,19%. Xác định: Không đạt

- Tiêu chí tỷ suất chết của trẻ em dưới 01 tuổi: Tổng số trẻ em sinh ra sống trong năm 2019 là: 142 người, trong đó tổng số trẻ em dưới 01 tuổi chết trong năm 2019 là: 0 người. Tỷ suất chết là: 0‰. Xác định: Không đạt.

Xác định: Dân tộc Dao không phải là dân tộc còn gặp nhiều khó khăn.

1.3. Kết quả: Tỉnh Bắc Giang không có dân tộc còn gặp nhiều khó khăn.

(Có Biểu tổng hợp kết quả kèm theo).

2. Đối với dân tộc có khó khăn đặc thù

1.1. Tiêu chí xác định: Dân tộc có khó khăn đặc thù là dân tộc sinh sống ổn định thành cộng đồng trên địa các xã thuộc khu vực III và các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi theo quy định tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ và có dân số dưới 10.000 người.

2.2. Kết quả: Tỉnh Bắc Giang không có dân tộc có khó khăn đặc thù.

Trên đây là báo cáo kết quả rà soát, xác định dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc;
- vudantochieuso@cema.gov.vn;
- Chủ tịch và PCT TT UBND tỉnh Mai Sơn;
- Ban Dân tộc;
- UBND huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Lạng Giang;
- VP UBND tỉnh: LĐVP; TH;
- Lưu: VT. KGVX.Cường.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Sơn

**KẾT QUẢ RÀ SOÁT, XÁC ĐỊNH HỘ DÂN TỘC THIỂU SỐ CÒN GẶP NHIỀU KHÓ KHĂN,
CÓ KHÓ KHĂN ĐẶC THÙ TỈNH BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /4/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang)

TT	Dân tộc	Tỷ lệ hộ nghèo DTTS			Tỷ suất chết của trẻ em DTTS dưới 1 tuổi			Tỷ lệ người DTTS từ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết tiếng Việt			Ghi chú
		Số hộ DTTS	Hộ nghèo của từng DTTS	Tỷ lệ (%)	Số sinh ra sống trong năm	Số chết trong năm	Tỷ suất chết (%)	Tổng số	Không biết đọc, không biết viết	Tỷ lệ (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng số	24.189	6.239	25,79	1.708	20	11,71	65.099	4.246	6,52	
1	Dân tộc Nùng	8.363	2.068	24,73	644	6	9,32	25.964	1.863	7,18	
2	Dân tộc Tày	6.796	1.836	27,02	503	9	17,89	17.066	357	2,09	
3	Dân tộc Sán Dìu	364	77	21,15	37	0	0,00	894	115	12,86	
4	Dân tộc Hoa	961	201	20,92	70	1	14,29	2.744	380	13,85	
5	Dân tộc Sán Chay	5.413	1.464	27,05	312	4	12,82	14.721	1.190	8,08	
6	Dân tộc Dao	2.292	593	25,87	142	0	0,00	3.710	341	9,19	